



Một số vấn đề đặt ra đối với phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam trong bối cảnh mới

ĐẶNG KIM SƠN, Nguyên Viện trưởng
Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT

1. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ YÊU CẦU MỚI ĐẶT RA CHO CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Năm 2008, khi cả nước bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, Hội nghị Trung ương 7 khóa X đã ban hành Nghị quyết về “Tam Nông”, trong đó chỉ rõ, bên cạnh những thành tựu lớn sau 20 năm đổi mới, vẫn còn nhiều hạn chế, cụ thể: Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, tăng trưởng giảm, năng lực cạnh tranh thấp; cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn chậm chuyển dịch; phát triển thiếu quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu; môi trường ô nhiễm; đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn thấp; tỷ lệ hộ nghèo cao, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa; khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị ngày càng gia tăng, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

Để giải quyết những hạn chế trên và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800/2010/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Sau thành công của giai đoạn đầu, Chính phủ tiếp tục ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1689/QĐ-TTg, nhằm xử lý các vấn đề còn tồn tại.

Qua hai giai đoạn vừa qua, Chương trình đã đạt nhiều kết quả quan trọng: diện mạo nông thôn đổi mới rõ rệt, nhất là hạ tầng thiết yếu như điện, đường, trường, trạm; công tác xóa đói, giảm nghèo được thực hiện hiệu quả; cơ cấu sinh kế hộ gia đình chuyển dịch theo hướng tăng thu nhập phi nông nghiệp, phát triển các mô hình OCOP; tư duy của người dân thay đổi tích cực, cộng đồng nông thôn xuất hiện nhiều điển hình sáng tạo như dẫn dắt đổi thửa, hiến đất xây dựng công trình công cộng, hình thành các “hội quán” sinh hoạt cộng đồng. Nhờ đó, khoảng cách phát triển giữa nông thôn và đô thị được thu hẹp, nhiều vấn đề xã hội bức xúc từng bước được giải quyết.

Trong giai đoạn tới, tình hình Việt Nam có nhiều điểm khác so với trước đây. Ở cấp cơ sở, việc sáp nhập các xã tạo nên không gian quản lý rộng lớn hơn, trong khi cấp huyện trung gian từng bước được tinh giản. Ở

cấp Trung ương, việc sáp nhập một số Bộ, ngành và đổi mới tổ chức hệ thống đoàn thể góp phần tinh gọn bộ máy, giảm thủ tục, tạo môi trường thông thoáng hơn cho phát triển kinh tế tư nhân. Sự thay đổi cung cách quản lý nhà nước và tổ chức đoàn thể trên phạm vi rộng, cùng với việc bộ máy trung gian thu hẹp, mở ra cơ hội mới nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho quản lý và cung cấp dịch vụ công ở cơ sở. Điều này đòi hỏi phải tránh khoảng trống quyền lực và trách nhiệm, đồng thời bảo đảm các hoạt động hỗ trợ, giám sát phát triển kinh tế-xã hội, môi trường được triển khai hiệu quả, hướng tới một nền nông nghiệp và nông thôn phát triển hài hòa, công bằng.

Trên bình diện quốc tế, những biến động chính trị và thay đổi khó lường trong chính sách thương mại toàn cầu đang diễn ra nhanh chóng. Xu hướng bảo hộ lợi ích quốc gia, điều chỉnh quan hệ quốc tế, cùng với các cuộc xung đột khu vực bất ngờ và sự thay đổi trong các cam kết quốc tế đã tác động mạnh mẽ đến chuỗi cung ứng toàn cầu, xu hướng tiêu dùng và dòng vốn đầu tư nước ngoài. Bối cảnh này tất yếu đòi hỏi công tác quản lý ở cơ sở phải chặt chẽ hơn, đồng thời phản ứng linh hoạt trước các thách thức như biến động thị trường, thiên tai, dịch bệnh hay khủng hoảng chuỗi cung ứng.

Trong 5-10 năm tới, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt mức hai con số, nhu cầu dịch chuyển nguồn lực từ nông thôn sang các ngành phi nông nghiệp và khu vực đô thị sẽ diễn ra mạnh mẽ. “Cửa sổ vàng” dân số dự kiến khép lại vào khoảng năm 2037, đặt ra áp lực phải tận dụng giai đoạn hiện tại để tạo bước nhảy vọt. Để hướng tới mục tiêu đến năm 2045 Việt Nam trở thành nước thu nhập cao, nông thôn sẽ phải trải qua sự thay đổi mang tính căn bản: hiện 64% hộ gia đình đang sống ở nông thôn và hơn 70% lực lượng lao động tập trung tại đây, trong đó khoảng 40% làm nông nghiệp. Trong vòng một thập kỷ tới, cần chuyển đổi 70-80% lao động nông nghiệp sang các lĩnh vực phi nông nghiệp, đồng thời di chuyển khoảng một phần tư dân số từ nông thôn ra đô thị.

Tất cả những yếu tố trên cho thấy, mục tiêu của Chương trình xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tới không thể dừng lại ở việc “nâng cấp” hay hiện đại hóa 19 tiêu chí như trước đây. Quá trình phát triển nông thôn cũng không chỉ đơn thuần là sự tiếp nối các giải pháp cũ, mà cần được đặt trên một nền tảng mới,



Hệ thống đèn chiếu sáng được trang bị tại tuyến đường Đồng Luộc, Phúc Hương, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

với mục tiêu và cách tiếp cận phù hợp với bối cảnh thay đổi nhanh chóng trong và ngoài nước.

2. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

Ở các quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam và đã công nghiệp hóa thành công, việc xây dựng chương trình phát triển nông thôn luôn được định hướng rõ ràng. Mục tiêu chung thường là tích lũy nguồn lực, thúc đẩy chuyển đổi xã hội, bảo đảm bền vững môi trường và giữ ổn định chính trị. Tùy bối cảnh cụ thể, mỗi quốc gia lựa chọn ưu tiên riêng và thiết kế phong trào phát triển nông thôn theo hướng giải quyết các ưu tiên đó. Điều quan trọng là xác định đúng mục tiêu thì mới có phương pháp đúng, từ đó đem lại kết quả thuận lợi cho quá trình phát triển đất nước.

Hàn Quốc đặt mục tiêu thu hẹp khoảng cách nông thôn- đô thị, tập trung thay đổi tư duy nông dân, khơi dậy tinh thần tự chủ và huy động sức mạnh cộng đồng thôn, hình thành phong trào Saemaul Undong (Làng Mới). Nhà nước và toàn xã hội tham gia, nhưng không làm thay người dân. Israel cũng đề cao tính tự chủ và sự gắn kết cộng đồng, vừa phát triển kinh tế địa phương, vừa củng cố thể trận quốc phòng. Hình thức tổ chức kibbutz (hoạt động dựa trên nguyên tắc sở hữu chung tài sản, dân chủ tự quản và bình đẳng, các thành viên làm việc theo khả năng và hưởng theo nhu cầu) được

xây dựng như những nông trường tự chủ cả về kinh tế, xã hội và an ninh. Cả hai mô hình đều thành công trong phát triển nông thôn và thúc đẩy công nghiệp hóa, song số quốc gia đạt được kết quả này không nhiều.

Trung Quốc cũng đặt mục tiêu thu hẹp khoảng cách nông thôn - đô thị. Nước này tập trung ưu tiên phát triển các “đầu tàu kinh tế” đô thị - công nghiệp, đồng thời triển khai các chương trình phát triển nông thôn mới từ Trung ương đến địa phương, nhân rộng những mô hình điển hình. Cách tiếp cận này đã đẩy nhanh công nghiệp hóa, giảm bớt mâu thuẫn xã hội giữa nông thôn và đô thị. Tuy nhiên, nó không giải quyết được căn bản bài toán chuyển đổi xã hội nông thôn sang xã hội đô thị trong thời gian ngắn. Hệ quả là người dân di cư ồ ạt ra đô thị, đất đô thị lấn vào nông nghiệp, già hóa dân số nhanh, nhiều vùng nông thôn “rỗng cư dân”, siêu đô thị quá tải, an ninh lương thực và ổn định xã hội bị đe dọa.

Nhiều quốc gia đang phát triển ở Đông Nam Á, Nam Á, Nam Mỹ cũng đối mặt thách thức tương tự. Philipin, Indônêxia vẫn loay hoay với vấn đề an ninh lương thực; Myanmar, Thái Lan thường xuyên đối phó bất ổn chính trị - xã hội, nhất là ở nông thôn và khu vực dân tộc thiểu số; Campuchia, Lào chịu tác động nặng nề từ biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. Sự xâm nhập văn hóa ngoại lai, biến đổi cộng đồng, cùng



với phát triển cơ sở hạ tầng quy mô lớn (đường sắt cao tốc, cao tốc, mạng xã hội) đã phá vỡ cân bằng sinh thái, đẩy nhanh nạn phá rừng và suy thoái tài nguyên. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến nhiều nước rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

Ngay cả các quốc gia phát triển như Nhật Bản hay một số nước Đông Âu cũng gặp nhiều khó khăn trong phát triển nông thôn. Tại đây, đất nông nghiệp bị thu hẹp, dân số già hóa nhanh, công nghệ sinh học, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo cùng với làn sóng đầu tư nước ngoài, thuê đất quy mô lớn và sự chiếm lĩnh của các tập đoàn xuyên quốc gia làm cạnh tranh nông sản trở nên gay gắt. Nông dân nhỏ lẻ và cư dân nông thôn bị đẩy đến bờ phá sản, mâu thuẫn xã hội gia tăng, trong khi an ninh lương thực, môi trường và ổn định xã hội bị đe dọa. Nông nghiệp – nông thôn ngày càng trở thành một bộ phận gắn chặt với công nghiệp và đô thị.

Nhìn lại Chương trình xây dựng nông thôn mới của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua có nhiều nét tương đồng với cách tiếp cận của Trung Quốc hơn là Hàn Quốc. Mặc dù đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm kết nối kinh tế và mở ra cơ hội cho nông thôn (phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, công nghiệp địa phương, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP...), nhưng vẫn còn không ít chính sách thiên về hỗ trợ trực tiếp, giải quyết tình huống (“cho con cá” thay vì “cho cần câu”), như xóa nhà tạm, tái thiết thôn bản sau thiên tai, hay kiểm soát khai thác hải sản. Điều này làm hạn chế tính chủ động và sức mạnh cộng đồng. Nếu muốn đưa Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến thành công, điều cốt yếu là phải thay đổi tư duy ngay từ cấp chiến lược. Cần xác định rõ mục tiêu và giải pháp trọng tâm, thay vì chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện bộ tiêu chí về nông nghiệp bền vững và kinh tế nông thôn giai đoạn 2026–2030.

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:

BẢO ĐẢM ĐÁP ỨNG BỐN YÊU CẦU

(i) *Về xã hội*: Trong “kỷ nguyên mới” - giai đoạn chạy nước rút 10 năm tới để hoàn thành công nghiệp hóa, đô thị hóa - sẽ diễn ra quá trình chuyển đổi mạnh mẽ từ xã hội nông thôn sang xã hội đô thị. Song song là sự tích lũy từ kinh tế nông nghiệp sang phi nông nghiệp, từ lao động thủ công sang lao động kỹ thuật và kinh tế tri thức. Quá trình này cần diễn ra một cách ổn định, an toàn và có sự tham gia chủ động của chính người dân nông thôn.

(ii) *Về kinh tế*: Trong bối cảnh chuỗi sản xuất và thương mại toàn cầu biến động, nền kinh tế Việt Nam cần điều chỉnh để thích ứng chủ động. Nông thôn mới phải gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát huy ngành hàng có lợi thế so sánh và giá trị

gia tăng cao; làm rõ xuất xứ, đảm bảo tiêu chuẩn nguyên liệu; đa dạng hóa thị trường. Quan trọng hơn, cần làm chủ toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất – kinh doanh, để bảo đảm khả năng thích ứng trong mọi tình huống.

(iii) *Về môi trường*: Các hình thái thời tiết cực đoan đã trở thành “bình thường mới”, trong khi phát triển thiếu bền vững khiến nhiều vùng sản xuất và khu dân cư nông thôn ngày càng dễ tổn thương. Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục sụt lún nhanh, nước biển dâng cao; dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi dễ dàng lây lan xuyên biên giới; tài nguyên sinh học từ đất liền đến biển đã cạn kiệt. Do đó, cần bố trí lại sản xuất và tổ chức lại dân cư một cách đồng bộ, vượt lên trên các yêu cầu truyền thống về BVMT và an toàn thực phẩm.

(iv) *Về sự đồng bộ và dài hạn*: Các mục tiêu xã hội, kinh tế, môi trường chỉ có thể đạt được nếu được triển khai đồng thời với quá trình đổi mới hệ thống pháp luật, quy hoạch và chính sách. Đặc biệt, phải gắn kết chặt chẽ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình giảm nghèo bền vững và Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc phối hợp đồng bộ sẽ bảo đảm các chương trình hoàn thành mục tiêu, ngày càng bền vững và thống nhất với định hướng phát triển dài hạn của quốc gia.

4. ĐỐI TƯỢNG, MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI VÀ CÁCH PHÂN NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026–2030 hiện nay tiếp cận theo ba nhóm đối tượng: xã khó khăn, xã ven đô và các xã còn lại. Đây là hướng đi đúng, thể hiện sự đa dạng hóa mô hình phát triển phù hợp với điều kiện từng địa bàn. Tuy nhiên, nếu điều chỉnh theo định hướng của Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định số 150/2022/QĐ-TTg), mô hình và giải pháp sẽ toàn diện và hợp lý hơn, phát huy được lợi thế đặc thù của từng địa phương. Cụ thể:

a) Xã ven đô có kinh tế phi nông nghiệp chiếm ưu thế, dịch vụ – thương mại và hạ tầng phát triển mạnh. Hướng phát triển là đô thị hóa theo mô hình xanh, sinh thái, đô thị vệ tinh, thay vì mở rộng tự phát theo “vết dầu loang” và bị các đô thị lớn dần dần nuốt chửng.

b) Xã thuộc vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn phát triển các vùng chuyên canh gắn với trang trại phi tập trung. Các khu dân cư nông thôn hình thành theo vùng chuyên canh, kết nối với các trung tâm công nghiệp – dịch vụ phục vụ sản xuất và liên kết hài hòa với hệ thống đô thị trong vùng.

c) Xã nông thôn truyền thống (ở miền núi, đồng bằng, vùng có sinh thái – cảnh quan đặc thù, có truyền thống văn hóa, làng nghề, du lịch) phát triển khu dân cư theo hướng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa địa



Phát huy vai trò của nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới

phương, kết nối với trung tâm của khẩu hoặc đô thị lớn để tạo động lực phát triển kinh tế - du lịch.

d) Xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, triển khai tái định canh, định cư nhằm bảo đảm an toàn cho người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và gắn kết với nhiệm vụ quốc phòng. Các xã này sẽ đóng vai trò quan trọng trong cung cấp dịch vụ công ích: BVMT, tài nguyên, lãnh thổ, gìn giữ bản sắc văn hóa, đồng thời liên kết với các đô thị địa phương.

Trong đó, ba mô hình phát triển (a, b, c) phù hợp với định hướng Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững (Quyết định số 150/2022/QĐ-TTg), còn mô hình (d) góp phần kết nối hài hòa hai Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững.

Các tiêu chí đánh giá xây dựng nông thôn mới nên được gom thành những nhóm chính, thiết kế linh hoạt theo điều kiện của từng đối tượng địa bàn. Cụ thể, có thể chia thành các nhóm: Quy hoạch, cơ sở hạ tầng, kiến trúc; Sinh kế, tổ chức kinh tế, thu nhập; Văn hóa, giáo dục, y tế; Lao động, phát triển nguồn nhân lực; An ninh - quốc phòng; Môi trường, tài nguyên, cảnh quan; Quản lý hành chính, hệ thống chính trị.

Do mục tiêu phát triển của bốn loại hình nông thôn mới đã nêu ở trên khác nhau, việc lựa chọn ưu

tiên giải quyết, nguồn lực huy động và năng lực quản lý cũng sẽ khác nhau. Vì vậy, nội dung và trọng tâm của từng nhóm tiêu chí cần được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng. Ví dụ: Nhóm 1 (xã ven đô) quy hoạch và hạ tầng cần thiết kể theo tiêu chuẩn đô thị trong tương lai, nhưng vẫn chú trọng yếu tố cảnh quan và môi trường; Nhóm 2 (xã sản xuất hàng hóa lớn) ưu tiên hạ tầng phục vụ và bảo vệ sản xuất; Nhóm 3 (xã truyền thống, giàu bản sắc) tập trung duy trì, khôi phục hạ tầng và cảnh quan văn hóa cổ truyền; Nhóm 4 (xã vùng sâu, vùng xa, khó khăn) xây dựng hạ tầng gắn với bảo vệ tài nguyên, cân bằng sinh thái và an toàn cư dân.

Bên cạnh đó, để phát huy vai trò chủ động của người dân trong thực hiện Chương trình, các chỉ tiêu cần được thiết kế theo hướng vừa thuận tiện cho hệ thống thống kê, quản lý nhà nước, vừa minh bạch, dễ tiếp cận để cộng đồng có thể trực tiếp tham gia đóng góp, giám sát và quản lý.

5. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

Với bối cảnh phân tích nêu trên, đặc biệt là những thay đổi dự báo cho giai đoạn 2026-2030, cần có các giải pháp mang tính đột phá:

Việc mở rộng quy mô địa bàn, bỏ cấp huyện trung gian, sáp nhập tỉnh và Bộ, ngành đã tạo ra khoảng trống trong quản lý và phát triển. Nhiều điểm yếu của



quản lý nhà nước đã bộc lộ, đặc biệt trong kiểm soát chất lượng, xuất xứ, tiêu chuẩn vật tư, hàng hóa và dịch vụ. Việc phân cấp, trao quyền cho cơ sở tuy cần thiết nhưng không đủ để quản lý hiệu quả thị trường, sản xuất, kinh doanh ngày càng đa dạng và biến động nhanh. Cơ sở cũng khó đảm đương toàn diện các dịch vụ công quan trọng như phòng chống thiên tai, BVMT, quản lý sản xuất. Vì vậy, giải pháp trước mắt là cần xây dựng các tổ chức cộng đồng theo ngành hàng, theo địa bàn dân cư, theo chuỗi giá trị để hình thành hợp tác xã, hiệp hội, nghiệp đoàn... Các tổ chức này đặt dưới sự quản lý của nhà nước, được phân cấp, phân quyền phù hợp để tham gia trực tiếp quản lý thành viên và điều hành các hoạt động sản xuất – kinh doanh – tiêu dùng. Cách tiếp cận này sẽ tạo cơ chế phối hợp “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đồng thời bổ sung nguồn lực quản lý cho cơ sở.

Trong 5–10 năm tới, nhiệm vụ về đích công nghiệp hóa sẽ gia tốc quá trình chuyển đổi xã hội nông thôn. Hơn 9 triệu hộ nông dân nhỏ sẽ từng bước chuyển sang hộ phi nông nghiệp; hàng triệu hộ kinh doanh mới hình thành; nhiều hộ phát triển thành doanh nghiệp, từ nhỏ đến vừa và lớn. Hàng chục triệu lao động sẽ rút khỏi nông nghiệp để tham gia khu vực phi nông nghiệp, trong khi quá trình đô thị hóa lan tỏa ngay trong nội bộ làng, xã. Song song, hội nhập quốc tế sâu rộng cùng sự bành trướng của các ngành phi nông nghiệp vào nông thôn sẽ tạo thay đổi căn bản trong sinh kế, phân bổ tài nguyên và cấu trúc xã hội. Giải pháp mang tính đột phá quan trọng là thay đổi tư duy. Cần tuyên truyền, vận động để đội ngũ cán bộ các cấp, người dân nông thôn, kể cả người nghèo, chuyển từ tư duy thụ động sang đề cao tự chủ, đoàn kết và sức mạnh cộng đồng. Điều này nhằm điều hành hiệu quả hai quá trình chuyển hóa lớn, đó là rút lao động khỏi nông nghiệp (quản lý, đào tạo, tổ chức thị trường lao động chính thức, tạo sinh kế phi nông nghiệp); phát triển nông nghiệp hiện đại (tích tụ đất đai, cơ giới hóa, phát triển trang trại); chuyển đổi kinh tế hộ (khuyến khích hợp tác xã nông nghiệp – phi nông nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp); đô thị hóa nông thôn (phát triển các trung tâm dân cư hiện đại, xây dựng đô thị xanh, đô thị địa phương).

Những giải pháp trên không chỉ giúp nông thôn thích ứng với thay đổi nhanh chóng mà còn tạo khả năng tích lũy, bảo vệ và chủ động bước vào giai đoạn hiện đại hóa.

6. KẾT LUẬN

Bài học thành công từ 40 năm đổi mới cho thấy, nông nghiệp – nông dân – nông thôn có hai vai trò then chốt: vừa là nền tảng, bệ đỡ ổn định đất nước, vừa là lợi thế quốc gia, tạo cơ sở cho động lực tăng trưởng. Mặc dù tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng đóng góp còn thấp hơn so với công nghiệp và dịch vụ, nhưng nguồn

lực phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và con người nông dân chủ yếu đến từ tự tích lũy nội tại, thay vì dựa nhiều vào đầu tư nhà nước hay vốn nước ngoài. Điều này cho thấy phát triển nông thôn và xóa nghèo bền vững phải bắt đầu từ việc phát huy nội lực cộng đồng.

Trong giai đoạn nước rút hiện nay, khi quá trình chuyển đổi xã hội diễn ra mạnh mẽ nhất ở nông thôn, chính sự chuyển đổi này sẽ quyết định khả năng đất nước đạt mục tiêu của “kỷ nguyên mới”. Vì vậy, giải pháp quan trọng nhất là phải thay đổi tư duy và đổi mới tổ chức thể chế, để người dân nông thôn thực sự tham gia một cách tích cực và chủ động. Đây cũng chính là bài học đã được khẳng định từ Chỉ thị số 100-CT/TW và Khoán 10, những bước ngoặt thể chế tạo nên thành công của công cuộc đổi mới cách đây bốn thập kỷ ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
2. Quốc hội (2021), Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025.
3. Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010–2020.
4. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15.
5. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến 2050.
6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2025), Báo cáo tổng kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025.
7. Đặng Kim Sơn (2012), Tam nông – từ chính sách đến cuộc sống, NXB Chính trị Quốc gia.
8. OECD (2020), Rural Development Policy in OECD Countries, OECD Publishing.
9. World Bank (2023), Vietnam Rural Development Report: Transforming Agriculture and Rural Areas for Inclusive Growth.
10. Park, S. (2019), The Saemaul Undong Movement in Korea: Impacts and Lessons for Rural Development, Asian Development Bank Institute.
11. FAO (2022), Transforming agrifood systems in Asia: Rural development strategies for inclusive and sustainable growth.